TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-PT
Ngày: 06 - 9 - 2019
"V/v Yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Ông Hoàng Ngọc Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***:
Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 16/2019/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa". Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ: Xóm B, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tuấn C, chức vụ: Giám đốc; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: Số 47, Đường N, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy L - Chuyên viên pháp chế Công ty Cổ phần T; theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 8 năm 2019; có mặt tại phiên tòa.

* *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 16 tháng 4 năm 2007, Công ty Cây ăn quả N (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn M) và Công ty Cổ phần T ký Hợp đồng số BA0001 về việc mua bán nguyên liệu dứa. Hai bên đã thực hiện hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2009, hai bên thống nhất ký xác nhận công nợ với số tiền 910.110.805 đồng (trong đó 111.090.395 đồng chi phí vận chuyển chưa xuất hóa đơn tài chính). Từ năm 2009 đến nay, Công ty M đã gửi công văn yêu cầu giải quyết công nợ nhiều lần nhưng Công ty Cổ phần T không ký xác nhận và không nói rõ lý do. Giám đốc Công ty M đã nhiều lần gọi điện và xuống trực tiếp gặp lãnh đạo Công ty Cổ phần T nhưng không thực hiện được. Sau nhiều lần gửi công văn, ngày 30 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần T có Công văn số 11 (phúc đáp Văn bản số 572/2018-CV/CT ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Công ty M). Sau khi nhận được công văn trên, Công ty M đã ba lần đưa hồ sơ chứng từ đầy đủ trực tiếp đến phòng kế toán nhà máy chế biến rau quả xuất khẩu (thuộc Công ty Cổ phần T) để làm việc đối chiếu song phòng kế toán nhà máy không hợp tác. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M yêu cầu Công ty Cổ phần T thanh toán số tiền 910.110.805 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ năm 2009 (trong đó có tiền vận chuyển dứa 111.090.395 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vận chuyển dứa là 111.090.395 đồng, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần T thanh toán số tiền nguyên liệu dứa 799.020.410 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M căn cứ vào Hợp đồng số BA0001 ngày 16 tháng 4 năm 2007 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 06 tháng 01 năm 2009 để yêu cầu Công ty Cổ phần T thanh toán tiền mua hàng. Tại thời điểm năm 2009, khi Công ty Cổ phần T xác nhận công nợ và có biên bản xác nhận nhưng Công ty M lại không khởi kiện mà đến năm 2018 mới làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Công ty Cổ phần T cho rằng theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án không còn nữa. Đối với yêu cầu thanh toán của Công ty M, Công ty Cổ phần T không có ý kiến gì đối với số tiền nguyên liệu dứa 799.020.410 đồng và không chấp nhận khoản tiền không có hóa đơn vận chuyển dứa là 111.090.395 đồng.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại; Điều 155, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm

2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử

- Buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền 799.020.410 đồng.

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M về việc buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán 111.090.395 đồng chi phí vận chuyển dứa.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 6 năm 2019, bị đơn Công ty Cổ phần T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; với lý do: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty Cổ phần T thanh toán số tiền 799.020.410 đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M là không đúng, không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty. Đáng lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2016); Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2005. Công ty Cổ phần T có cơ sở để nhận thấy rằng: (i) Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán dứa; (ii) yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện; (iii) bị đơn đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án; (iv) thời hiệu khởi kiện theo Luật Thương mại năm 2005 đã hết.

Bị đơn Công ty Cổ phần T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 311 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đại diện của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều

294 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần T kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T, giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền nợ 799.020.410 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định pháp luật.

[2] Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã xét xử buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền 799.020.410 đồng nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán dứa nguyên liệu. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Ngày 16 tháng 4 năm 2007, Công ty N (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn M) và Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An ký Hợp đồng số BA0001 về việc mua bán nguyên liệu dứa. Hai bên đã thực hiện hợp đồng và đến ngày 06 tháng 01 năm 2009 thì tiến hành đối chiếu công nợ, số tiền Công ty Cổ phần T còn nợ Công ty N là 910.110.805 đồng (trong đó có 111.090.395 đồng chi phí vận chuyển). Tại biên bản đối chiếu công nợ, Công ty Cổ phần T cam kết sẽ trả nợ chậm nhất ngày 20 tháng 01 năm 2009 nhưng không thực hiện đúng cam kết. Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M (được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND.NN ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An) khởi kiện đề nghị Công ty Cổ phần T thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã đối chiếu công nợ. Như vậy, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ở đây là "Yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa".

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thừa nhận giữa Công ty N (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn M) và Công ty Cổ phần T đã ký hợp đồng mua bán nguyên liệu dứa; trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên không có tranh chấp gì và đã tiến hành đối chiếu công nợ là 910.110.805

đồng. Đại diện Công ty Cổ phần T thừa nhận, Công ty M có đòi nợ nhiều lần, nhưng do hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Công ty Cổ phần T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M và cũng thừa nhận vào ngày 23 tháng 11 năm 2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có Công văn số 472/2018-CV/CT đề nghị Công ty Công ty Cổ phần T đối chiếu và xác nhận công nợ. Đến ngày 30 tháng 11 năm 2018, Công ty Cổ phần T có Công văn số 11/CV-NAPROD với nội dung: Đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn M cung cấp tài liệu, chứng cứ đầy đủ để xác nhận công nợ.

Như vậy, Công ty Cổ phần T đã thừa nhận việc hai bên có mua bán hàng hóa; đã giao nhận hàng đầy đủ, không có tranh chấp về giá và chất lượng hàng hóa và đã tiến hành chốt nợ với số tiền 910.110.805 đồng (trong đó có 111.090.395 đồng chi phí vận chuyển); thừa nhận Công ty M đòi nợ nhiều lần nhưng do có khó khăn nên chưa thanh toán công nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M. Từ đó xác định, các bên không tranh chấp về hợp đồng mua bán, vì các bên đã chốt công nợ thành một khoản tiền và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng Công ty Cổ phần T không trả nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn M có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T phải trả nợ là đúng pháp luật. Từ các lập luận và chứng cứ nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 157, Điều 166, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; xử:

- Buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền 799.020.410 đồng (Bảy trăm chín mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, bốn trăm mười đồng).

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M về việc buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán 111.090.395 đồng (Một

trăm mười một triệu, không trăm chín mươi nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng) chi phí vận chuyển dứa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu 35.960.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M 19.600.000 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002938 ngày 28 tháng 02 năm 2019.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc Công ty Cổ phần T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007123 ngày 20 tháng 6 năm 2019.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trang